

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 716/2025/DS-ST
Ngày: 26/9/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông **Vũ Huy Hoàng**

2) Bà **Trần Thị Nga**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 268/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Công ty SBA), (theo Giấy ủy quyền số 3815/2024/GUQ-PC ngày 10/12/2024).

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Gia Thế, sinh năm 1971, Địa chỉ: số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố H (nay là phường Xuân H, Thành phố H), (theo Giấy ủy quyền số 1319/2025/UQ-TGD ngày 14/3/2025) **có đơn xin vắng mặt.**

Bi đơn: Bà **Lê Thị Phương T**, sinh năm: 1991_vắng mặt;

Địa chỉ thường trú: Thôn An Định, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Q (nay là xã Phước Giang, tỉnh Q);

Chỗ ở hiện nay: Nhà không số (E15/5) ấp 53, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Ch, Thành phố H (nay là xã Tân Vĩnh Lộc, Thành phố H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín có người đại diện là ông Trần Gia Thế trình bày:

Ngày 16/10/2020, bà Lê Thị Phương T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Master; Số thẻ: 436438 – 4897; Hạn mức: 10.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 16/10/2020; Lãi suất áp dụng: 2,6%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Thảo đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.796.301 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà Thảo đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 17.006.871 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Thảo vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Thảo vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 11/06/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 12.461.254 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 26/9/2025 bà Thảo còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền là 31.966.054 đồng, trong đó: nợ gốc là 12.461.254 đồng, nợ lãi quá hạn là 19.504.800 đồng (lãi suất áp dụng: 3.9% (2.6% x 150%)).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Thảo, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà Thảo vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đề nghị Tòa án:

1/ Buộc bà Lê Thị Phương T phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 31.966.054 đồng (Ba mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm năm mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 12.461.254 đồng, lãi quá hạn là 19.504.800 đồng;

2/ Bà Lê Thị Phương T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Lê Thị Phương T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo hợp lệ. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Phương T là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với bị đơn bà Lê Thị Phương T. Bà Thảo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Phương T thanh toán khoản nợ đã vay cùng lãi suất theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) của Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ kết quả xác minh ngày 09/6/2025 của Công an xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi qua tra cứu Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư thì bị đơn

bà Lê Thị Phương T có hộ khẩu thường trú tại thôn An Định, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi nhưng không có mặt tại địa phương; nơi ở hiện nay: Nhà không số (E15/5) ấp 53, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Tân Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia Thế vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lê Thị Phương T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thế, bà Thảo.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Lê Thị Phương T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà Thảo vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho bà Thảo biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay bà Thảo vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4.2] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của bà Lê Thị Phương T ký với nội dung yêu cầu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín phát hành thẻ với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng. Từ giấy đề nghị cấp thẻ, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã cấp thẻ tín dụng cho bà Lê Thị Phương T với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, nhiều lần Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Phương T thanh toán nợ nhưng bà Thảo không thực hiện, do đó ngày 11/6/2022, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Căn cứ vào bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký giữa bà Lê Thị Phương T với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và các quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối chiếu các quy định nêu trên thì yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín buộc bà Lê Thị Phương T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 31.966.054 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 12.461.254 đồng, lãi quá hạn là 19.504.800 đồng, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Lê Thị Phương T tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu bà Lê Thị Phương T trả toàn bộ khoản nợ gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 26/9/2025 là 31.966.054 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm năm mươi bốn đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và lãi tiếp tục tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà Thảo trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất trong hợp đồng đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 4, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với bà Lê Thị Phương T.

Buộc bà Lê Thị Phương T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 31.966.054 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm năm mươi bốn đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị Phương T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ký ngày 16/10/2020 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và bà Lê Thị Phương T cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ký ngày 16/10/2020, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Phương T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.598.303 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi tám nghìn ba trăm lẻ ba đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí là 718.151 đồng (Bảy trăm mười tám nghìn một trăm năm mươi một đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052312 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 10 – TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Hải